

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN DUY PHƯƠNG

**NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN
HÌNH SỰ THEO LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. TRỊNH TIẾN VIỆT

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	7
1.1. KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT PHÁP LÝ CỦA NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ	7
1.1.1. Khái niệm những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự.....	7
1.1.2. Bản chất pháp lý của những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự.....	11
1.2. PHÂN BIỆT NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ VỚI NHỮNG KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN KHÁC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM.....	12
1.2.1. Phân biệt những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự với căn cứ khởi tố vụ án hình sự.....	12
1.2.2. Phân biệt những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự với chế định miễn trách nhiệm hình sự	16
1.2.3. Phân biệt những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự với loại trừ trách nhiệm hình sự	17
1.2.4. Phân biệt những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự với các trường hợp không xử lý hình sự	19
1.3. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC QUY ĐỊNH VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY	20
1.3.1. Giai đoạn từ Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 1988.....	20

1.3.2.	Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 1988 đến nay	26
1.4.	NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	30
1.4.1.	Bộ luật tố tụng hình sự Liên bang Nga.....	30
1.4.2.	Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.....	33
	Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK.....	36
2.1.	CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ.....	36
2.1.1.	Trường hợp không có sự việc phạm tội.....	37
2.1.2.	Trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm.....	38
2.1.3.	Trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự.....	39
2.1.4.	Trường hợp người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật.....	43
2.1.5.	Trường hợp đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.....	43
2.1.6.	Trường hợp tội phạm được đại xá	47
2.1.7.	Trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác	48
2.2.	CÁC QUY ĐỊNH KHÁC CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ.....	48
2.3.	THỰC TIỄN ÁP DỤNG NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK.....	52
2.3.1.	Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	52
2.3.2.	Thực tiễn áp dụng chế định những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	54
2.3.3.	Một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản	56

Chương 3: HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ	65
3.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ.....	65
3.1.1. Về phương diện thực tiễn.....	65
3.1.2. Về phương diện lý luận.....	67
3.1.3. Về phương diện lập pháp.....	70
3.2. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ.....	73
3.2.1. Nhận xét, đánh giá.....	73
3.2.2. Nội dung hoàn thiện.....	74
3.3. KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ	88
3.3.1. Về chuyên môn, nghiệp vụ.....	88
3.3.2. Về tổ chức, cán bộ.....	91
3.2.3. Về sự tham gia của cơ quan, tổ chức.....	97
KẾT LUẬN	103
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	105

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta xác định một trong những phương hướng trọng tâm của công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN là:

...Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người....

Do vậy, nhiệm vụ của các ngành, các cấp trong giai đoạn hiện nay tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ cho công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội được coi là một trong những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước ta, tiến tới xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Trong Nhà nước pháp quyền, pháp luật luôn luôn là một công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện sự quản lý đối với toàn xã hội, đồng thời pháp luật cũng là một công cụ để củng cố và bảo vệ sự tồn tại của Nhà nước. Điều đặc biệt hơn chính là quyền con người, quyền công dân được coi trọng và bảo đảm và đã được đề cập trong một Chương II của Hiến pháp mới năm 2013. Mọi hoạt động của Nhà nước, của cá nhân nào đó đi ngược lại với lợi ích hợp pháp của con người, xâm phạm tới quyền công dân đã được Hiến pháp và pháp luật quy định đều phải bị lên án và bị xử lý nghiêm khắc. Ngoài ra, Đảng ta đã khẳng định:

Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp....

Những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự là một trong những quy định quan trọng của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Chính vì thế, việc áp dụng đúng đắn và chính xác các quy phạm của các quy định này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các quy định của luật tố tụng hình sự, đấu tranh phòng và chống tội phạm có hiệu quả, củng cố và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc các quyền và tự do của công dân bằng pháp luật tố tụng hình sự. Đặc biệt, hoàn thiện các quy định định này còn góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị.

Những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự cũng là một vấn đề rất rộng lớn và phức tạp. Cho đến nay, chưa có nhiều công trình nghiên cứu, các bài viết về vấn đề này, vẫn còn nhiều vấn đề chưa thống nhất bởi lẽ chưa đi sâu

vào bản chất của nó, chưa nghiên cứu một cách toàn diện về riêng một điều luật cụ thể và các điều luật có liên quan hay áp dụng trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử về vấn đề này.

Vì vậy, từ những lý do đã nêu trên, học viên quyết định chọn đề tài: ***Những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*** làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Về quy định *Những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự* trong Luật tố tụng hình sự đã có một số công trình nghiên cứu nhưng chưa nhiều, nội dung nghiên cứu mới chỉ tập trung vào một vài khía cạnh của quy định về: những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự. Các công trình nghiên cứu có một phần nội dung trực tiếp đề cập đến quy định về những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự chủ yếu là các cuốn: *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003* do GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb. Công an nhân dân, năm 2004; cuốn *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự* (Học viện Khoa học xã hội, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, năm 2013) và một số giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của các cơ sở đào tạo luật như: *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* (Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, năm 2014 do PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí chủ biên); *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* (Trường Đại học Luật Hà Nội Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2011 do PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn chủ biên); v.v.... Bên cạnh đó, quy định về những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự còn được đề cập một cách trực tiếp trong một số bài viết được đăng trên các tạp chí pháp luật: *Căn cứ không khởi tố vụ án hình sự và một số quy định liên quan* (TS. Phan Thị Thanh Mai, Tạp chí Luật học số 7/2010); *Hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về không khởi tố vụ án hình sự* (Ths. Hoàng Duy Hiệp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số tháng 8(269)/2014).

Tuy nhiên, đến nay thời điểm hiện nay, vẫn chưa có tác giả nào tiếp tục trực tiếp nghiên cứu về vấn đề này dưới góc độ một luận văn thạc sĩ luật học, đặc biệt từ khi Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đang xin ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn một tỉnh cụ thể có tình hình an ninh, trật tự rất cần sự ổn định là địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, việc học viên lựa chọn đề tài: “***Những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk)***” làm luận văn thạc sĩ luật học của mình là có tính cấp bách.

3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn có mục đích làm sáng tỏ về mặt lý luận các trường hợp không được khởi tố vụ án hình sự theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam và việc áp dụng vào thực tiễn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện Bộ

luật tố tụng hình sự của nước ta, cũng như kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng, qua đó, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu đã nêu, luận văn có phạm vi nghiên cứu là các vấn đề lý luận và thực tiễn về những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo luật tố tụng hình sự Việt Nam, đồng thời đánh giá thực tiễn áp dụng những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản để đề xuất kiến nghị hoàn thiện Bộ luật tố tụng hình sự, đồng thời có những kiến nghị khác nâng cao hiệu quả áp dụng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk).

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn có nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

1) Làm rõ khái niệm những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự, bản chất pháp lý và phân tích các đặc điểm cơ bản, các mối liên hệ của nó với các quy định có liên quan trong Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam;

2) Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của các quy định về những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay;

3) Nghiên cứu quy định này trong Bộ luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới để rút ra nhận xét;

4) Phân tích quy định về những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam và đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk của các cơ quan tiến hành tố tụng, từ đó chỉ ra các tồn tại, hạn chế và những nguyên nhân cơ bản;

5) Luận chứng và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định về những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam;

6) Kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam.

5. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh phòng và chống tội phạm,... Đồng thời dựa trên những thành tựu của khoa học như: Triết học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Tội phạm học...

5.2. Các phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, hệ thống... để tổng hợp các tri thức khoa học Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu. Ngoài ra, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào thực tiễn xét xử các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương với tên gọi như sau:

Chương 1: Các vấn đề chung về những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2: Các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam về những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương 3: Hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam về những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự và những kiến nghị.

Chương 1

CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT PHÁP LÝ CỦA NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1.1. Khái niệm những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự

Một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự đó là nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự được quy định tại Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Theo nguyên tắc này:

Khi phát hiện dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội. Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự do Bộ luật này quy định.

Nguyên tắc này xác định rõ thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc khởi tố và xử lý vụ án hình sự đồng thời cũng xác định rõ phạm vi thẩm quyền đó được giới hạn bởi những căn cứ và trình tự luật định. Trong quá trình giải quyết vụ án, khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu của quá trình tố tụng hình sự, cung cấp toàn bộ “nguyên liệu” đầu vào cho quy trình tố tụng.

Như vậy, những quy định về căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan khởi tố trong việc kết thúc giai đoạn khởi tố vụ án hình sự khi vụ án đó không có dấu hiệu phạm tội.

1.1.2. Bản chất pháp lý của những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự

Xuất phát từ nhận thức nêu trên về giai đoạn khởi tố vụ án, những căn cứ khởi tố và không khởi tố vụ án hình sự, chúng ta có thể nhận thấy, bản chất pháp lý của giai đoạn này là ở chỗ: Với tính chất là một giai đoạn độc lập và đầu tiên của quá trình tố tụng hình sự, giai đoạn khởi tố vụ án hình sự có chức năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để xác định các tiền đề pháp luật về nội dung (vật chất) và về pháp luật về hình thức (tố tụng) của việc điều tra vụ án hình sự; thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi nhận được những thông tin đầu tiên về việc thực hiện hành vi phạm tội và kết thúc bằng quyết định về việc khởi tố (hoặc không khởi tố) vụ án hình sự có liên quan đến hành vi đó.

Như vậy, bản chất pháp lý của những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự là những dấu hiệu để cơ quan tiến hành tố tụng kết thúc giai đoạn khởi tố và chấm dứt quá trình tố tụng, tức là khi xét thấy vụ án thỏa mãn một trong các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng sẽ dừng việc chứng minh khởi tố và không đưa vụ án đó ra xét xử.

1.2. PHÂN BIỆT NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ VỚI NHỮNG KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN KHÁC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.2.1. Phân biệt những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự với căn cứ khởi tố vụ án hình sự

Căn cứ để khởi tố vụ vụ án hình sự và căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự đều là sự hiện diện của dấu hiệu để từ đó cơ quan tiến hành tố tụng và kết thúc giai đoạn khởi tố vụ án. Tuy nhiên kết quả của những căn cứ để không khởi tố vụ án hình sự là việc chấm dứt quá trình tố tụng và kết quả của những căn cứ khởi tố vụ án hình sự là sự khởi đầu cho các giai đoạn tố tụng khác.

Vụ án hình sự chỉ có thể được khởi tố khi có căn cứ theo luật định.

Như vậy, điều luật quy định khả năng duy nhất cho phép khởi tố vụ án chính là khi xác định có dấu hiệu của tội phạm. Dấu hiệu tội phạm chính là những tài liệu ban đầu về sự kiện phạm tội nói chung, chưa phải tài liệu về người phạm tội cụ thể nào và thực tế cho thấy có những trường hợp lúc đầu mới chỉ biết những thông tin về sự kiện nhưng khi kiểm tra thì sự kiện đó không đủ dấu hiệu tội phạm. Có dấu hiệu tội phạm chính là căn cứ cần và đủ để khởi tố vụ án hình sự. Dấu hiệu tội phạm được xác định trên cơ sở những thông tin thu được từ những nguồn nhất định. Điều luật quy định 5 nguồn thông tin cụ thể làm cơ sở xác định có dấu hiệu tội phạm.

1.2.2. Phân biệt những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự với chế định miễn trách nhiệm hình sự

Trách nhiệm hình sự là một dạng của trách nhiệm pháp lý và là hậu quả pháp lý bất lợi của việc thực hiện tội phạm và được thể hiện bằng việc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do Bộ luật hình sự quy định đối với người phạm tội.

Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý mà bản thân người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước do việc thực hiện hành vi phạm tội. Nhà nước có quyền áp dụng chế tài hình sự đối với người phạm tội. Hậu quả là người phạm tội bị áp dụng biện pháp cưỡng chế (hình phạt, biện pháp tư pháp) của Luật hình sự.

Miễn trách nhiệm hình sự là không buộc một người đáp ứng những điều kiện nhất định phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi do việc người đó đã thực hiện hành vi phạm tội, mà vẫn bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội.

1.2.3. Phân biệt những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự với loại trừ trách nhiệm hình sự

Nghiên cứu Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành cho thấy, thuật ngữ "loại trừ trách nhiệm hình sự" duy nhất được sử dụng tại đoạn 2 Điều 53 Bộ luật hình sự về "Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm". Ngoài ra, trong Bộ luật hình sự còn sử dụng một số thuật ngữ có nội dung tương đương và gắn với từng trường hợp cụ thể (mặc dù nội hàm chưa đồng nhất) như: "không phải là tội phạm"; "không phải chịu trách nhiệm hình sự"; "không có tội"; v.v... khi đề cập đến hậu quả pháp lý của mỗi trường hợp tương ứng trong Bộ luật này như sau:

- Hành vi có tính chất nguy hiểm không đáng kể - thì không phải là tội phạm (khoản 4 Điều 8 Bộ luật hình sự);

- Sự kiện bất ngờ - thì không phải chịu trách nhiệm hình sự (Điều 11 Bộ luật hình sự).

- Người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện - thì không phải chịu trách nhiệm hình sự (quy định gián tiếp trong Điều 12 Bộ luật hình sự).

- Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự - thì không phải chịu trách nhiệm hình sự (Khoản 1 Điều 13 Bộ luật hình sự).

- Phòng vệ chính đáng - thì không phải là tội phạm (Điều 15 Bộ luật hình sự).

- Tình thế cấp thiết - thì không phải là tội phạm (Điều 16 Bộ luật hình sự).

1.2.4. Phân biệt những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự với các trường hợp không xử lý hình sự

Khác với những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự là những căn cứ để không đưa vụ án ra xử lý hình sự theo quy định của pháp luật. Những trường hợp không xử lý hình sự là một vụ án hình sự đã đủ điều kiện để đưa ra khởi tố và trong quá trình tố tụng đối chiếu với các quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi gây nguy hiểm cho xã hội đó không bị xử lý hình sự.

1.3. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC QUY ĐỊNH VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY

1.3.1. Giai đoạn từ Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 1988

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân non trẻ

phải đối mặt với những khó khăn chồng chất. Nền kinh tế nước ta vốn lệ thuộc vào thực dân Pháp, bị tàn phá trong chiến tranh, giê đây rất kiệt quệ, tiêu điều. Nghiêm trọng và cấp bách hơn cả là nạn ngoại xâm. Ở miền Bắc, khoảng hơn 200.000 quân Tưởng Giới Thạch mượn danh nghĩa Đồng Minh vào giải giáp quân Nhật đầu hàng, nhưng dã tâm của chúng là lật đổ chính quyền nhân dân để lập một chính phủ phản động làm tay sai cho chúng. Ở miền Nam, thực dân Pháp và bọn can thiệp Anh chiếm Sài Gòn và mở rộng chiến tranh, tìm cách xâm chiếm các tỉnh ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Trong tình hình đó, Đảng ta xác định giữ vững chính quyền là nhiệm vụ hàng đầu, quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. Đảng ta đã giữ vững được chính quyền, tranh thủ thời gian hòa hoãn để chuẩn bị gấp rút về mọi mặt, trước khi bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

1.3.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 1988 đến nay

Bộ luật tố tụng hình sự được Quốc hội thông qua ngày 28/6/1988, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1989. Bộ luật đã phát huy tác dụng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm kỷ cương, phép nước.

Ngày 30/6/1990, tại kỳ họp thứ bảy, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung 03 điều của Bộ luật tố tụng hình sự.

1.4. NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Xuất phát từ sự khác nhau về văn hóa, xã hội, đặc điểm dân cư và tình hình kinh tế - chính trị của các nước là khác nhau dẫn đến có những quy định khác biệt trong pháp luật của các quốc gia về căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự.

1.4.1. Bộ luật tố tụng hình sự Liên bang Nga

Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Bộ luật tố tụng hình sự Liên Bang Nga về các căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự như sau:

1. Không được khởi tố vụ án hình sự và đối với vụ án hình sự đã được khởi tố thì phải đình chỉ theo những căn cứ sau đây:

- 1) Không có sự việc phạm tội;
- 2) Hành vi không cấu thành tội phạm;
- 3) Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự;
- 4) Người bị tình nghi hoặc bị can đã chết, trừ những trường hợp việc tiến hành tố tụng đối với vụ án là cần thiết để minh oan cho người đã chết;
- 5) Không có yêu cầu của người bị hại, nếu vụ án đó chỉ được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, trừ những trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Bộ luật này;
- 6) Không có kết luận của Tòa án về dấu hiệu tội phạm đối với hành vi của

một trong những người quy định tại các điểm 2 và 2.1 khoản 1 Điều 448 Bộ luật này hoặc không có sự đồng ý của Hội đồng Liên bang (tương đương Thượng nghị viện - ND), Duma Quốc gia (tương đương Hạ nghị viện - ND), Tòa án Hiến pháp Liên bang Nga, Hội đồng thẩm định chức danh Thẩm phán về việc khởi tố vụ án hình sự hay khởi tố bị can đối với một trong những người quy định tại các điểm 1 và từ 3 - 5 khoản 1 Điều 448 Bộ luật này.

(Khoản này được sửa đổi theo Luật liên bang số 58/LLB ngày 29/5/2002 và Luật liên bang số 176/LLB ngày 18/7/2009).

Như vậy, so với quy định về những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự quy định tại Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam thì quy định tại Điều 24 “*Những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự hoặc đình chỉ vụ án hình sự*” trong Bộ luật tố tụng hình sự Liên bang Nga có một vài điểm khác biệt sau:

1.4.2. Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Luật tố tụng hình sự là đạo luật cơ bản điều chỉnh hoạt động tố tụng hình sự, liên quan trực tiếp đến việc sắp xếp quyền lực công và đảm bảo quyền lợi cá nhân, vì vậy từ trước đến nay luôn được coi là “Hiến pháp thu nhỏ”. Từ khi bắt đầu được ban hành vào năm 1979, sửa đổi lần đầu tiên năm 1996 cho đến nay, sau 16 năm phát triển nhanh chóng về mọi mặt kinh tế xã hội, những vấn đề mới và mâu thuẫn mới trong thực tiễn tư pháp ngày càng nhiều và rõ rệt, yêu cầu luật tố tụng hình sự phải tiếp tục được hoàn thiện. Trên cơ sở luận chứng đầy đủ, trung cầu ý kiến rộng rãi, qua ba lần thẩm tra, “Quyết định về việc sửa đổi <Luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa>” đã được biểu quyết thông qua ngày 14/3/2012 tại kỳ họp thứ năm Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa XI.

Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa gồm 5 phần, 290 Điều quy định cụ thể, rõ ràng hoạt động tiến hành tố tụng của các cơ quan tố tụng. Những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự tại Điều 110 Bộ luật này.

Như vậy, tùy thuộc vào đặc điểm thể chế chính trị, kinh tế - xã hội của từng quốc gia mà pháp luật của từng nước sẽ có những quy định khác nhau về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự. Dù căn cứ vào yếu tố nào, pháp luật các quốc gia luôn hướng đến việc xem xét một cách đúng đắn nhất đối với hành vi của người dân để bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và cũng không để xảy ra tình trạng án oan sai đối với người vô tội.

Chương 2

CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

Giải quyết các vụ án hình sự thông qua thủ tục tố tụng hình sự với mục

đích không bỏ lọt tội phạm, bảo vệ lợi ích của xã hội trước sự xâm phạm của hành vi tội phạm, không làm oan người vô tội, bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự thực chất là hoạt động thực thi công lý của nhà nước mà đại diện là các cơ quan tiến hành tố tụng và cũng là hành trình tiếp cận công lý của người dân. Công lý chỉ được thực thi, người dân chỉ có thể tiếp cận công lý một cách thuận lợi nhất khi những rào cản, trở ngại về pháp luật được khai thông. Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam với tư cách là một đạo luật chứa đựng các quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động tố tụng hình sự trong đó có hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố đang đứng trước nhiệm vụ cần khắc phục những bất cập, hạn chế đáp ứng được nhiệm vụ nói trên.

2.1.1. Trường hợp không có sự việc phạm tội

Một là, có sự việc xảy ra trên thực tế nhưng sự việc đó không phải là tội phạm, không phải do hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra;

Hai là, hoàn toàn không có sự việc xảy ra mà do nguồn tin chỉ là giả mạo, không thật...

Vì vậy, khi xác định không có sự việc phạm tội, thì không được khởi tố vụ án hình sự.

2.1.2. Trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm

Cấu thành tội phạm là tổng hợp các dấu hiệu cần và đủ của tội phạm được quy định một cách chặt chẽ trong Bộ luật hình sự. Theo GS. TS. Nguyễn Ngọc Hòa quan niệm, “*cấu thành tội phạm trong luật hình sự được coi là cơ sở pháp lý và sự thỏa mãn cấu thành tội phạm là điều kiện cần và đủ của trách nhiệm hình sự*”; v.v...

Chỉ những hành vi có đầy đủ các các dấu hiệu đó mới bị coi là tội phạm. Bất cứ một hành vi nào dù gây ra những thiệt hại nhất định nhưng nếu không có hoặc không đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm thì cũng không phải là tội phạm và người thực hiện hành vi đó không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.1.3. Trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự

Chủ thể của tội phạm theo pháp luật hình sự chỉ có thể là người có năng lực trách nhiệm hình sự, tức là có khả năng nhận thức được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do mình gây ra và có khả năng kiểm soát được hành vi của mình. Con người chỉ khi phát triển đến một độ tuổi nhất định mới có khả năng nhận thức được những vấn đề trên. Vì thế nếu chưa đạt đến độ tuổi do Bộ luật hình sự quy định thì hành vi đó dù có nguy hiểm cho xã hội cũng không bị coi là tội phạm.

Người chưa thành niên là người chưa phát triển một cách đầy đủ về tâm, sinh lý, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi còn nhiều hạn chế; dễ bị kích động, dụ dỗ, lôi kéo vào việc thực hiện tội phạm, nhưng cũng dễ uốn nắn, cải tạo, giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội. Đường lối xử lý người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Chương X Bộ luật hình sự.

Bảng 2.2: So sánh độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của một số nước

<i>Quốc gia</i>	<i>Tuổi chịu TNHS</i>	<i>Quốc gia</i>	<i>Tuổi chịu TNHS</i>	<i>Quốc gia</i>	<i>Tuổi chịu TNHS</i>
Anh - xứ Wales	10	Đức	14	Namibia	10
Angêri	13	Hi Lạp	13	Hà Lan	12
Andôra	16	Honduras	12	New Zealand	10
Achentina	16	Hong Kong	16	Bắc Ai Len	10
Armenia	14	Hungary	14	Na Uy	15
Úc	10	Iceland	15	Philippines	9
Áo	14	Ấn Độ	7	Ba Lan	13
Azerbaijan	14	Iraq	9	Bồ Đào Nha	16
Barbados	7	Ireland	12	Rumani	16
Belarus	14	Israsel	13	Nga	14
Bỉ	16	Ý	14	San Mario	12
Bosina	14	Jamaica	7	Nhật Bản	14
Bulgari	14	Kazakhstan	14	Scotland	8
Canada	12	Kenya	7	Senegal	13
Đảo Cayman	8	Hàn Quốc	14	Singapore	7
Chile	16	Kô Oét	7	Slovakia	15
Trung Quốc	14	Latvia	16	Slovenia	14
Côlômbia	18	Li Băng	12	Nam Phi	10
Costa Rica	12	Libya	8	Tây Ban Nha	14
Cu Ba	16	Lithuania	14	Thụy Sĩ	7
Síp	7	Luxembourg	18	Tanzania	15
Cộng hòa Séc	15	Macedonia	14	Thái Lan	7
Đan Mạch	15	Malaysia	10	Togo	15
Ecuador	12	Malta	9	Trinidad	7
Ai Cập	15	Mauritius	14	Turkey	12
Estonia	16	Mexico	6	Ukraina	14
Phần Lan	15	Moldova	16	Hoa Kỳ	6+/N
Pháp	13	Mông Cổ	14	Zambia	14

(Nguồn: Neal Hazel (2008), *So sánh giữa các quốc gia về tư pháp người chưa thành niên*, Ủy ban Tư pháp thanh thiếu niên của Anh và xứ Wales-YJB, www.yjb.gov.uk, Nguyễn Chí Công dịch, tác giả cập nhật đến năm 2012).

Như vậy, theo quy định này, người dưới 14 tuổi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không phải chịu trách nhiệm hình sự, người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi nếu thực hiện hành vi nguy hiểm về tội ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý cũng không phải chịu trách nhiệm. Trong những trường hợp này các cơ quan có thẩm quyền không được khởi tố vụ án hình sự.

2.1.4. Trường hợp người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật

Tòa án là cơ quan xét xử duy nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bản án và các quyết định đã có hiệu lực của Tòa án phải được thi hành

2.1.5. Trường hợp đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Trong luật hình sự, vấn đề thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được đặt ra xuất phát từ ý nghĩa và cơ sở lý luận cho rằng: hiệu quả và giá trị của việc truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội phụ thuộc rất nhiều vào khoảng thời gian giữa thời điểm thực hiện tội phạm và thời điểm áp dụng hình phạt.

Vì vậy, khi đã hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự thì cơ quan có thẩm quyền không được khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi đó.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Bộ luật hình sự thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như sau:

- Năm năm đối với các tội phạm ít nghiêm trọng.
- Mười năm đối với các tội phạm nghiêm trọng;
- Mười lăm năm đối với các tội phạm rất nghiêm trọng;
- Hai mươi năm đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

2.1.6. Trường hợp tội phạm được đại xá

Đại xá là quyết định của cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước áp dụng đối với những tội phạm nhất định. Văn bản đại xá có hiệu lực đối với những hành vi phạm tội được nêu trong Văn bản này đã xảy ra trước khi ban hành Văn bản đại xá. Đối với những tội phạm được đại xá đã xảy ra trước khi ban hành đại xá thì cơ quan có thẩm quyền không được khởi tố vụ án.

Đại xá thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với những người phạm tội hình sự và có ý nghĩa lớn về mặt chính trị - xã hội. Hiện nay chưa có một khái niệm cụ thể nào về Đại xá nhưng có thể hiểu nó là một sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước nhưng do Quốc hội quyết định.

2.1.7. Trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác

Mục đích của hình phạt là trừng trị, cải tạo và giáo dục người phạm tội. Vì vậy, việc tiến hành tố tụng với một người đã chết là hoàn toàn vô nghĩa. Do đó, nếu người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết thì cơ quan có thẩm quyền không được khởi tố vụ án, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác.

2.2. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự không chỉ được sử dụng làm căn cứ không khởi tố vụ án hình sự mà còn dẫn chiếu đến một số điều luật khác để áp

dụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự và xét xử lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Vì vậy việc xây dựng điều luật này là khoa học, hợp lý, thuận tiện cho việc dẫn chiếu đến một số điều luật khác của Bộ luật tố tụng hình sự.

2.3. THỰC TIỄN ÁP DỤNG NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

2.3.1. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là một tỉnh nằm trên địa bàn Tây Nguyên có vị trí chiến lược rất quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng, an ninh (có vị trí địa lý nằm vào khoảng 107⁰28'57" đến 108⁰59'37" độ kinh Đông và từ 12⁰9'45" đến 13⁰25'06" độ vĩ Bắc, nằm ở vùng trung tâm vùng Tây Nguyên, đầu nguồn của hệ thống sông Serepok và một phần của sông Ba). Sau khi chia tách tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông thì diện tích của tỉnh Đắk Lắk là 13.085 km², dân số toàn tỉnh tính đến năm 2014 đạt vào khoản 1.8 triệu người, mật độ dân số đạt hơn 137 người/km². Trong đó, dân số sống tại thành thị đạt 432.458 người, dân số sống tại nông thôn đạt 1.364.208 người. Dân số nam chiếm 51%, dân số nữ chiếm 49% tổng dân số toàn tỉnh. Cộng đồng dân cư Đắk Lắk khá đa dạng gồm 47 dân tộc: người Kinh chiếm trên 70%; các dân tộc thiểu số như Ê Đê, M'nông, Thái, Tày, Nùng... chiếm gần 30% dân số toàn tỉnh. Dân số tỉnh phân bố không đều trên địa bàn các huyện, tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột, thị trấn, huyện lỵ, ven các trục Quốc lộ 14, 26, 27 chạy qua như Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Ana. Các huyện có mật độ dân số thấp chủ yếu là các huyện đặc biệt khó khăn như Ea Súp, Buôn Đôn, Lắk, Krông Bông, M'Đrắk...

Dân số tỉnh phân bố không đều trên địa bàn các huyện, tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột và một số thị trấn, huyện lỵ. Hiện nay, tỉnh Đắk Lắk có các đơn vị hành chính cấp huyện như sau:

2.3.2. Thực tiễn áp dụng chế định những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Trong thực tiễn áp dụng những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự bên cạnh căn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, xét xử vụ án. Những căn cứ tại Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự là một trong những căn cứ quan trọng, giúp tiết kiệm thời gian và nhanh chóng kết thúc vụ án hình sự. Quy định này cũng đã giúp rất nhiều trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Dưới đây là tổng hợp số vụ án được đưa ra khởi tố và số vụ án không đưa ra khởi tố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đối với các vụ hình sự giai đoạn 5 năm (2010 - 2014) như sau:

Bảng 2.4: Tổng hợp số vụ án được đưa ra khởi tố và số vụ án không đưa ra khởi tố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm 2010 đến 2014

<i>Năm</i>	<i>Tổng số vụ án hình phải giải quyết</i>	<i>Tổng số vụ án được đưa ra khởi tố</i>	<i>Tổng số vụ án không khởi tố</i>
2010	1.271	1.221	50
2011	1.356	1.335	21
2012	1.391	1.351	40
2013	1.407	1.375	32
2014	1.532	1.488	44

Trong đó, phân tích cụ thể ra:

<i>Năm</i>	<i>Tổng số vụ án và người không tiến hành khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng</i>					
	<i>Cơ quan Điều tra</i>		<i>Viện kiểm sát</i>		<i>Tòa án</i>	
	<i>Số vụ</i>	<i>Số người</i>	<i>Số vụ</i>	<i>Số người</i>	<i>Số vụ</i>	<i>Số người</i>
2010	30	30	20	20	0	0
2011	15	15	6	6	0	0
2012	27	27	13	13	0	0
2013	22	22	10	10	0	0
2014	32	32	12	12	0	0

Về tin báo tội phạm:

<i>Năm</i>	<i>Tổng số tin báo</i>	<i>Tổng số tin báo được đưa ra khởi tố</i>	<i>Tổng số vụ không khởi tố</i>
2010	451	235	216
2011	399	215	184
2012	489	312	177
2013	478	350	128
2014	513	319	194

Phân loại tin báo:

STT	Nhóm tội, hành vi vi phạm	Số tin báo
1	Gây tai nạn giao thông	84
2	Xâm phạm trật tự, an toàn xã hội	165
3	Sở, hữu, kinh tế, chức vụ	15
4	An ninh, ma túy	17
5	Xâm phạm hoạt động tư pháp	04
6	Nhóm tội danh khác	19

(Nguồn: Báo cáo liên ngành các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk các năm 2010 đến 2014)

2.3.3. Một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản

Qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng chế định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong giai đoạn 05 năm (2010 - 2014) cho thấy, về cơ bản, việc áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Bộ luật hình sự về không khởi tố vụ án hình sự cho thấy Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát và người có thẩm quyền cơ bản là đúng đắn và chính xác về căn cứ, thẩm quyền và thủ tục, hạn chế được số vụ án oan, sai, vi phạm pháp luật, qua đó góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Tuy vậy, trong quá trình áp dụng chế định không khởi tố vụ án hình sự vẫn không tránh khỏi một số tồn tại, hạn chế như sau:

- *Áp dụng sai lầm các quy định của luật hình sự - Có sự việc phạm tội nhưng không khởi tố vụ án*
- *Áp dụng sai lầm các quy định của luật hình sự: Hành vi cấu thành tội phạm nhưng vẫn ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự*
- *Áp dụng chưa chính xác trường hợp do sự chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội để không khởi tố vụ án hình sự*

Chương 3

HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ

3.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1.1. Về phương diện thực tiễn

Tố tụng hình sự là dạng hoạt động đặc thù của các cơ quan quyền lực nhà nước có chức năng trực tiếp đấu tranh chống tội phạm và dạng hoạt động này tồn tại chừng nào còn tội phạm - hiện tượng xã hội tiêu cực xâm hại lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước và lợi ích cá nhân.

Trong những năm qua, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng xác minh, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; số vụ án đã yêu cầu khởi tố, trực tiếp khởi tố vụ án, yêu cầu điều tra và ra quyết định huỷ quyết định khởi tố vụ án không đúng,... đều tăng; khắc phục vi phạm, góp phần đảm bảo việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm đúng pháp luật; hạn chế việc bỏ lọt tội phạm và oan, sai. Công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm có những chuyển biến tích cực.

3.1.2. Về phương diện lý luận

Dấu hiệu phạm tội chính là căn cứ để khởi tố vụ án hình sự. Giai đoạn

khởi tố vụ án hình sự không cần phải xác minh toàn bộ sự thật của vụ án, mà là không để bỏ lọt bất cứ một dấu hiệu tội phạm nào mà không được xem xét và không để cho bất cứ hành vi tội phạm nào mà không bị phát hiện. Khi tiếp nhận thông tin, các cơ quan này có trách nhiệm kiểm tra, xác minh nguồn tin nhận được bằng các biện pháp nghiệp vụ. Thời điểm bắt đầu của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được tính từ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được những tin tức về tội phạm và kết thúc khi cơ quan tiến hành tố tụng ra một trong hai quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Kết thúc giai đoạn khởi tố vụ án hình sự sẽ là sự khởi đầu cho một giai đoạn mới hoặc chấm dứt quá trình tố tụng.

3.1.3. Về phương diện lập pháp

Không phải ngẫu nhiên mà quy định về những căn cứ không được khởi tố là vấn đề cần được hoàn thiện theo một chế định riêng và nhìn nhận như một yếu tố cơ bản ban đầu trước khi tiến hành khởi tố vụ án. Cần nhận thức một cách đúng đắn rằng trong mọi trường hợp, biện pháp đề ra quyết định khởi tố phải được thực hiện theo đúng luật định.

3.2. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.2.1. Nhận xét, đánh giá

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004 là một Bộ luật thể hiện bước phát triển mới về tư tưởng và kỹ thuật lập pháp hình sự ở nước ta. Bộ luật tố tụng hình sự 2003 đi vào cuộc sống và đã phát huy được vai trò của nó trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhằm phòng ngừa việc khởi tố vụ án hình sự một cách thiếu chính xác, không đúng căn cứ pháp luật, tạo thuận lợi cho công dân cũng như các cơ quan áp dụng pháp luật dễ dàng nhận ra những trường hợp không đủ căn cứ để khởi tố vụ án, Bộ luật tố tụng hình sự đã quy định những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự. Nhìn chung các quy định của pháp luật về căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự cũng như căn cứ khởi tố vụ án hình sự được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 là tương đối đầy đủ.

Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng pháp luật đã phát sinh nhiều thiếu sót gây khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các chủ thể khác khi tham gia vào quan hệ pháp luật tố tụng hình sự. Mặt khác, do nhu cầu của một xã hội đang không ngừng phát triển và trong tiến trình cải cách tư pháp sâu rộng hiện nay việc cải cách, hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam (Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự) đã và đang trở thành một vấn đề thời sự mang tính cấp bách.

3.2.2. Nội dung hoàn thiện

3.2.2.1. Hoàn thiện quy định về các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

Để xác định các căn cứ khởi tố hay không khởi tố, phải là cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án và đặc biệt phải là các cơ quan có thẩm quyền điều

tra trên thực tế. Điều 100 Bộ luật tố tụng hình sự, nêu ra 5 cơ sở để từ đó xác định dấu hiệu tội phạm làm căn cứ khởi tố vụ án hình sự.

Thứ nhất, trong pháp luật hình sự quy định: Hành vi không cấu thành tội phạm khi thiếu một trong bốn yếu tố: Khách thể, chủ thể, mặt khách quan và mặt chủ quan. Chủ thể của tội phạm phải đạt được hai dấu hiệu: dấu hiệu về năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đạt tới độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Hai là, để bảo đảm hiệu quả của hoạt động tố tụng hình sự, thực hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước, bảo vệ lợi ích của người bị hại cũng như người có hành vi nguy hiểm cho xã hội, Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định vụ án về một số tội phạm chỉ được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại.

Như vậy, ngoài dấu hiệu nội dung là có dấu hiệu của tội phạm, yêu cầu của người bị hại là căn cứ hình thức của việc khởi tố vụ án hình sự. Trong những trường hợp quy định này, dấu hiệu của tội phạm và yêu cầu khởi tố của người bị hại là hai căn cứ cần và đủ để cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án hình sự; thiếu một trong hai căn cứ đó thì vụ án không được khởi tố. Khi người đã yêu cầu khởi tố tự nguyện rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì vụ án phải bị đình chỉ.

Vì vậy, theo những lập luận trên, Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự cần sửa đổi, bổ sung như sau:

<i>Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành</i>	<i>Kiến nghị sửa đổi, bổ sung</i>
<p>Điều 107. Những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự Không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không có sự việc phạm tội; 2. Hành vi không cấu thành tội phạm; 3. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; 4. Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; 5. Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; 6. Tội phạm đã được đại xá; <p>7. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác.</p>	<p>Điều 107. Những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự Không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không có sự việc phạm tội; 2. Hành vi không cấu thành tội phạm; 3. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; 3. Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; 4. Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; 5. Tội phạm đã được đại xá; <i>6. Do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;</i> 7. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác.

3.2.2.2. Hoàn thiện quy định về thời gian điều tra xác minh

Để hoàn thiện chế định về các căn cứ không khởi tố vụ án, cần hoàn thiện một trong những quy định cơ bản khi điều tra, xác minh là xác minh tin báo về tội phạm. Theo quy định của Khoản 2, Điều 103 Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành thì sau khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Vì vậy, kiến nghị sửa đổi về thời gian về việc xác minh tin báo, theo hướng tăng thời gian xác minh điều tra các căn cứ khởi tố ban đầu trong vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, khoản 2, Điều 103 Bộ luật tố tụng hình sự cần sửa đổi, bổ sung như sau:

<i>Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành</i>	<i>Kiến nghị sửa đổi, bổ sung</i>
<p>Điều 103. Nhiệm vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố</p> <p>...</p> <p>2. Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự.</p> <p>Trong trường hợp sự việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết tố giác và tin báo có thể dài hơn, nhưng không quá hai tháng.</p>	<p>Điều 103. Nhiệm vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố</p> <p>...</p> <p>2. Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự.</p> <p>Trong trường hợp sự việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết tố giác và tin báo có thể dài hơn, nhưng không quá sáu tháng.</p> <p><i>Trong quá trình kiểm tra, xác minh nguồn tin và tin báo về tội phạm, Cơ quan điều tra được phép tiến hành các công việc chuyên môn, nghiệp vụ nhằm thu thập chứng cứ làm căn cứ khởi tố vụ án trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình phải thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục tố tụng đối với hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này. Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra của các cơ quan này.</i></p>

3.2.2.3. Hoàn thiện quy định về điều tra xác minh tin báo về tội phạm của các Cơ quan điều tra

Ngoài quy định cụ thể về công tác điều tra, xác minh, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm ban đầu của Cơ quan điều tra, cần quy định cụ thể về công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm theo hướng xác định rõ trách nhiệm, phạm vi kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm của Viện kiểm sát; các phương thức tiến hành kiểm sát, nhất là phương thức kiểm sát trực tiếp; trách nhiệm và quyền hạn của Viện kiểm sát trong việc đề ra các yêu cầu xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; việc trực tiếp tiến hành một số hoạt động xác minh trong các trường hợp cần thiết hoặc khi Cơ quan điều tra không thực hiện yêu cầu xác minh của Viện kiểm sát; trách nhiệm của Viện kiểm sát đối với việc khởi tố vụ án trong trường hợp Cơ quan điều tra thụ lý, tiếp nhận tố giác, tin báo tội phạm nhưng không giải quyết, không ra quyết định khởi tố vụ án và cũng không ra quyết định không khởi tố vụ án; trách nhiệm của Cơ quan điều tra trong việc cung cấp thông tin, tài liệu về tố giác, tin báo tội phạm cho Viện kiểm sát; trách nhiệm của Cơ quan điều tra khi thực hiện các yêu cầu của Viện kiểm sát.

Vì vậy, theo những phân tích nêu trên, Khoản 3, Điều 103, Bộ luật tố tụng hình sự cần sửa đổi, bổ sung theo hướng như sau:

<i>Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành</i>	<i>Kiến nghị sửa đổi, bổ sung</i>
<p>Điều 103. Nhiệm vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố</p> <p>...</p> <p>2. Kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và thông báo cho cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết.</p> <p>Cơ quan điều tra phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người đã tố giác tội phạm</p>	<p>Điều 103. Nhiệm vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố</p> <p>...</p> <p>3. Kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp <i>hoặc Viện kiểm sát cấp huyện đối với trường hợp Cơ quan điều tra là công an xã và thông báo cho cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết.</i> Cơ quan điều tra phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người đã tố giác tội phạm.</p>

3.3. KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NHỮNG CĂN CỨ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.3.1. Về chuyên môn, nghiệp vụ

Mọi sự thay đổi, cải cách bảo đảm tính công bằng, xét xử đúng người

đúng tội, suy cho đến cùng vấn đề quyết định vẫn là con người. Trình độ, năng lực, kinh nghiệm nghề nghiệp của đội ngũ Thẩm phán, Công tố viên, Điều tra viên là mục tiêu hàng đầu và cần được định hướng cho mục tiêu cải cách, xây dựng hoàn thiện về việc hoàn thiện các chế định của tố tụng hình sự nói chung và về các căn cứ không được khởi tố hình sự nói riêng. Nâng cao nhận thức, trình độ của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm tăng cường nhận thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ văn hóa ứng xử cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát,... là giải pháp quan trọng đảm bảo cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đáp ứng yêu cầu tôn trọng và bảo đảm quyền con người nói chung.

Mặc dù, đội ngũ cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên ngày càng được đào tạo, tuyển chọn một cách kỹ càng hơn, nhưng vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu của nước ta trước tình hình tội phạm ngày càng diễn ra nhiều hơn, tinh vi và nguy hiểm hơn.

3.3.2. Về tổ chức, cán bộ

Đổi mới căn bản chức năng công tố nhằm thực hiện đúng chủ trương cải cách tư pháp đã được ghi trong các nghị quyết của Đảng là: “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra”. Công tố gắn kết, chỉ đạo hoạt động điều tra nhằm tăng cường chống bỏ lọt tội phạm và hạn chế các trường hợp xảy ra oan, sai.

Đồng thời Bộ luật còn có sự phân biệt ở một mức độ nhất định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm chung với nhiệm vụ, quyền hạn trong tiến hành tố tụng đối với từng vụ án hình sự cụ thể của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động tố tụng và xác định trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng đối với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, từ góc độ phân định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng, Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 còn có một số bất cập, hạn chế, vướng mắc sau đây:

Thứ nhất, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán được quy định còn hạn chế.

Thứ hai, chưa có sự phân định rõ ràng, cụ thể trong quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát.

3.2.3. Về sự tham gia của cơ quan, tổ chức

Theo Điều 110 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, chủ thể có thẩm quyền điều tra các căn cứ khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự gồm: Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra. Cần hoàn thiện chế định các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo hướng mở rộng diện các cơ quan này, như ngoài cơ quan Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, Cảnh sát biển, các cơ quan khác trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân thì có thể cho cơ quan Thuế vụ, Quản lý thị trường cũng có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra tố tụng,

nhưng cần thu hẹp thẩm quyền của các cơ quan này theo tinh thần cải cách tư pháp là chỉ tiến hành một số hoạt động điều tra ban đầu sau đó chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra chuyên trách tiếp tục điều tra để thực hiện chủ trương thu gọn đầu mối Cơ quan điều tra nhưng không bó tay các lực lượng chủ động phát hiện, đấu tranh chống tội phạm.

3.2.3.1. Về thẩm quyền của Viện Kiểm sát

Thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân bao gồm thực hành quyền công tố và kiểm sát.

3.2.3.2. Thẩm quyền của các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

Cơ quan có thẩm quyền điều tra là Cơ quan điều tra, Viện Kiểm Sát, Bộ đội biên phòng, Hải quan kiểm lâm, Lực lượng cảnh sát biển và các cơ quan khác của công an nhân dân, quân đội nhân dân được tiến một số hoạt động điều tra trực tiếp phát hiện ra dấu hiệu của tội phạm.

Cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra trong tố tụng hình sự bao gồm: Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân, Cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Thẩm quyền điều tra của các cơ quan này là khác nhau, Cơ quan điều tra của cấp nào có thẩm quyền điều tra những vụ án hình sự về tội phạm thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp đó.

KẾT LUẬN

Từ những vấn đề lý luận được nghiên cứu ở Chương 1, phân tích đánh giá thực trạng ở Chương 2, nhất là trên cơ sở làm sáng tỏ những hạn chế, bất cập của pháp luật tố tụng hình sự cũng như thực tiễn áp dụng và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế ở Chương 3, cho phép tôi đưa ra những kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các giải pháp nâng cao hiệu quả của chế định các căn cứ không khởi tố trong tố tụng hình sự. Mục tiêu của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự cũng như các kiến nghị đưa ra nhằm bảo đảm quyền con người của người Bộ luật Tố tụng hình sự cũng như nâng cao mục tiêu xét xử tội phạm đúng người, đúng tội, tránh tình trạng bỏ lọt tội phạm cũng như các án oan, sai một cách toàn diện, hệ thống. Trong số đó, các giải pháp quan trọng là: tăng cường hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật tố tụng hình sự; nâng cao trình độ, năng lực, nhận thức của người tiến hành tố tụng; hoàn thiện chế độ trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng đối với việc vấn đề xác khởi tố trong tố tụng hình sự nói chung, với các căn cứ không khởi tố hình sự nói riêng.

Bảo đảm các căn cứ khởi tố cũng như các căn cứ không khởi tố trong vụ án hình sự mặc dù là một trong những vấn đề đầu tiên của vụ án hình sự nhưng lại chưa được nghiên cứu kỹ càng. Đây là một vấn đề khó nhưng rất quan trọng

cả về lý luận và thực tiễn, nên học viên đã quyết định chọn đề tài: **“*Những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk*”**. Với khả năng có hạn, học viên đã cố gắng nghiên cứu và đạt được một số kết quả khiêm tốn sau đây: Luận án đã góp phần làm rõ thêm nhiều vấn đề lý luận về các căn cứ không được khởi tố trong tố tụng hình sự; làm rõ những điểm chung và những đòi hỏi đặc thù của các căn cứ không được khởi tố theo quy định của tố tụng hình sự; Luận án đã phân tích có hệ thống các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và đánh giá đầy đủ, toàn diện thực tiễn của các quy định trong Tố tụng hình sự Việt Nam, từ đó tìm ra được những hạn chế, bất cập về các căn cứ không khởi tố trong tố tụng hình sự và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế; luận văn đã đưa ra được số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về các căn cứ không khởi tố vụ án.

Bảo đảm yêu cầu các căn cứ không khởi tố minh bạch là một trong những nhiệm vụ và là mục đích quan trọng của tố tụng hình sự. Trong tố tụng hình sự, việc điều tra các căn cứ ban đầu là một yếu tố trọng tâm, nhằm tránh tình trạng bỏ lọt tội phạm, xét xử đúng người đúng tội. Bộ luật tố tụng hình sự 2003 là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động tố tụng trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong những năm qua, hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm được thực hiện nhìn chung có hiệu quả; các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Tuy nhiên, từ góc độ bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng hình sự những năm qua cũng còn những hạn chế: tình trạng bắt, tạm giữ, tạm giam trái pháp luật, truy cứu trách nhiệm hình sự oan, sai vẫn xảy ra nhiều; các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự còn bị vi phạm nghiêm trọng... Nguyên nhân của những hạn chế đó là do: các bất cập của Bộ luật tố tụng hình sự; ý thức, trình độ, năng lực của người tiến hành tố tụng; chế độ trách nhiệm đối với người tiến hành tố tụng chưa rõ ràng. Việc phân tích thực trạng pháp luật, nghiên cứu thực tiễn điều tra tìm ra những bất cập và nguyên nhân của chúng là cơ sở khoa học, thực tiễn quan trọng cho việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra, xác minh ban đầu với những căn cứ không khởi tố hình sự theo pháp luật Việt Nam.